

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC PHẦN: **Giáo Dục Thể Chất 2**

Số Tín chỉ:

1

LỚP:

14CD-Ô2

HỌC KỲ: **II**

NĂM HỌC:

2014 - 2015

TT	MSSV	Họ tên sinh viên		Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
					20%						30%	50%	
1	14D2050044	Tăng Tấn Tường	An		6	9					8	5	6.4
2	14D2050049	Trần Nam	Anh		6	6					7	7	6.8
3	14D2050050	Trần Anh	Bằng		6	6					6	8	7.0
4	14D2050055	Huỳnh Trung	Cang		6	10					9	7	7.8
5	14D2050056	Nguyễn Minh	Chánh		0	0					5	0	1.5
6	14D2050062	Nguyễn Chí	Cường		6	6					7	6	6.3
7	14D2050295	Hồ Quốc	Dinh		7	7					7	9	8.0
8	14D2050067	Đào Lê Khương	Duy		7	0					5	0	2.2
9	14D2050072	Võ Hoàng	Đại		6	8					6	7	6.7
10	14D2050077	Tạ Quân	Đạt		0	0					0	0	0.0
11	14D2050082	Nguyễn Tiến	Đông		9	9					9	10	9.5
12	14D2050087	Hàn Ngọc	Hải		0	0					0	0	0.0
13	14D2050276	Lê Nguyễn	Hải		6	8					9	7	7.6
14	14D2050279	Dương Minh	Hiếu		7	9					9	6	7.3
15	14D2050097	Hoàng Văn	Hiếu		0	0					0	0	0.0
16	14D2050102	Nguyễn Xil	Hual		8	10					9	10	9.5
17	14D2050107	Dương Quốc	Huy		8	7					7	9	8.1
18	14D2050266	Lâm Sĩ	Huy		7	6					7	7	6.9
19	14D2050112	Nguyễn Ngọc	Huy		6	6					8	9	8.1
20	14D2050122	Nguyễn Văn Anh	Khoa		8	10					8	8	8.2
21	14D2050294	Nguyễn Thanh	Lâm		7	6					7	8	7.4
22	14D2050127	Lê Minh Vũ	Linh		6	7					6	7	6.6
23	14D2050131	Nguyễn Ngọc	Luân		6	9					7	9	8.1
24	14D2050137	Bùi Thanh	Nam		7	6					7	8	7.4
25	14D2050142	Nguyễn Hữu	Nghĩa		9	10					9	6	7.6
26	14D2050280	Nguyễn Thái	Nguyên		6	7					7	8	7.4
27	14D2050147	Tăng Thái	Nguyên		0	0					0	0	0.0
28	14D2050152	Phạm Minh	Nhật		7	9					7	8	7.7
29	14D2050157	Trần Văn	Phát		6	9					8	6	6.9
30	14D2050161	Đỗ Văn	Phúc		6	9					6	6	6.3
31	14D2050162	Lê Hồng	Phúc		9	8					9	0	4.4
32	14D2050166	Trương Phú	Phúc		6	9					6	5	5.8
33	14D2050167	Phạm Trường	Phước		7	6					7	7	6.9
34	14D2050172	Nguyễn Quốc	Quy		8	10					9	9	9.0
35	14D2050177	Đồng Phước	Sơn		7	7					7	7	7.0
36	14D2050182	Nguyễn Tấn	Tài		8	0					7	0	2.9
37	14D2050192	Ninh Văn	Thắng		7	10					8	6	7.1
38	14D2050196	Nguyễn Trung	Thanh		8	10					9	7	8.0
39	14D2050197	Nguyễn Đức	Thiện		0	0					0	0	0.0
40	14D2050202	Nguyễn Đức	Thịnh		7	10					7	8	7.8
41	14D2050207	Trần Hữu	Tiền		8	10					8	8	8.2
42	14D2050211	Vũ Đức	Tiền		7	7					7	7	7.0
43	14D2050212	Phạm Hoàng Hữu	Tín		0	0					0	0	0.0
44	14D2050217	Phạm Quang	Toàn		0	0					0	0	0.0
45	14D2050222	Nguyễn Ngọc	Triết		6	8					7	9	8.0
46	14D2050227	Bùi Vĩnh	Trực		7	7					5	6	5.9
47	14D2050231	Nguyễn Nhật	Trường		7	8					8	6	6.9
48	14D2050289	Bùi Thanh	Tuấn		0	0					0	0	0.0
49	14D2050237	Nguyễn Thanh	Tuấn		7	7					7	10	8.5
50	14D2050241	Lê Hoàng Thanh	Tùng		8	9					8	10	9.1
51	14D2050242	Nguyễn Văn	Tùng		6	10					7	9	8.2
52	14D2050246	Nguyễn Khánh	Tường		6	9					7	7	7.1

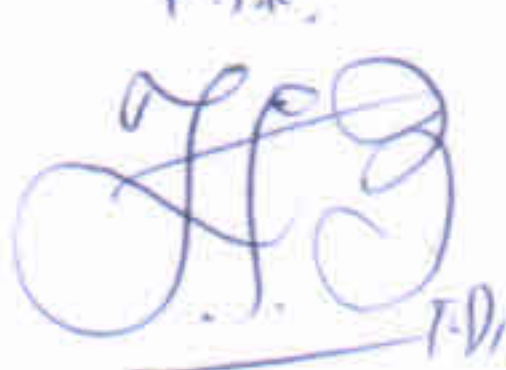
TT	MSSV	Họ tên sinh viên	Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
				20%						30%	50%	
53	14D2050251	Hà Thanh Vĩnh		8	10					9	8	8.5
54	13D2050047	Ngô Hoàng Hải		6	5					8	5	6.0
55	13D2050057	Ngô Quốc Hào		7	9					8	9	8.5

Yêu cầu : Khoa niêm yết cho sinh viên, lưu Giáo vụ Khoa và nộp bản chính cho Phòng TS - Đào tạo - GTVL.

Tổng danh sách có : 55 SV

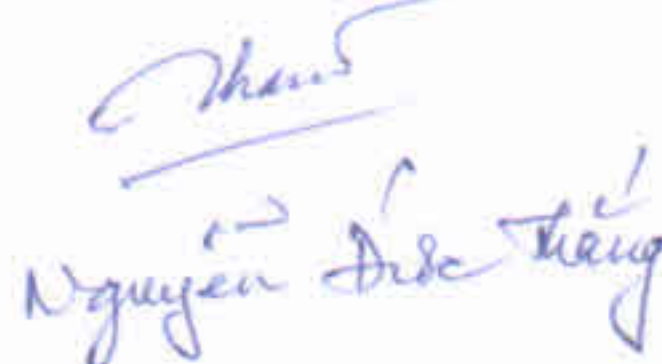
Tổng số SV có điểm Giỏi từ 8,5 đ đến 10 đ	: 7 SV	(12.73%)	
Tổng số SV có điểm Khá từ 7 đ đến <8,5 đ	: 23 SV	(41.82%)	Tổng số SV có điểm ≥ 4 đ : 44 SV (80%)
Tổng số SV có điểm Trung bình từ 5,5 đ đến <7 đ	: 13 SV	(23.64%)	
Tổng số SV có điểm Trung bình yếu từ 4 đ đến <5,5 đ	: 1 SV	(1.82%)	
Tổng số SV có điểm kém <4 đ	: 11 SV	(20%)	Tổng số SV có điểm < 4 đ : 11 SV (20%)
Tổng số SV không xếp loại vì chưa đủ điều kiện	: 0 SV	(0%)	

KT TRƯỞNG KHOA

P.T.K.

T.D.

Nguyễn Tiến Dương

TRƯỞNG BỘ MÔN


Nguyễn Đức Thắng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9⁰ tháng 7 năm 2015

GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY



Nguyễn Phú Tân